TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2024/DS-ST
Ngày 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh.

2. Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 770/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày: Ông xác định do quan hệ quen biết, ông xem ông C là cha nuôi nên ông có đến nhà ông C chơi và tham gia làm các công việc chung cho gia đình ông C, mỗi ngày làm một ít, bao nhiêu ngày ông không biết rõ, quá trình làm chung công việc cùng với gia đình ông C như đào đất, phát cỏ, chặt cây thì ông có dùng cơm chung với các thành viên gia đình nhà ông C sau các buổi làm việc đó. Việc ông đến làm nhà ông C là do ông tự đến làm, ông C không có nhờ ông làm, giữa ông và ông C không có hợp đồng thuê hoặc thoả thuận về việc thuê mướn và tiền công lao động đối với các công việc nêu trên. Do hiện nay ông xác định ông có lao động giúp nhà ông C đối với các công việc trên nên ông yêu cầu ông C phải trả số tiền là 2.500.000 đồng tương ứng với tiền công mà ông đã làm cho ông

C; đối với số tiền ông thuê đánh đơn, tiền ông đi lại tham dự Toà là 2.000.000 đồng như đơn khởi kiện ông xác định không tiếp tục yêu cầu.

Theo biên bản hoà giải, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn C trình bày: Ông và ông M do người cùng địa phương nên có quen biết nhau. Ông M có đến nhà ông chơi nhiều lần, mỗi lần đến ông M có chủ động có tham gia cùng ông làm các công việc như đào đất, chặc cây và các công việc khác. Việc ông M tham gia là do do ông M đến nhà chơi và tự tham gia làm cùng ông và sau mỗi lần như thế ông M có dùng cơm cùng với các thành viên trong gia đình ông. Việc ông M đến chơi và tham gia làm các công việc gia đình ông là do ông M tự động thực hiện, ông không thuê mướn hay yêu cầu ông M làm các công việc như trên, không hứa trả công cho ông M, do đó ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M. Tại phiên toà, ông đồng ý trả cho ông M 1.000.000 đồng xem như hỗ trợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn C trả tiền công khi ông thực hiện một số công việc cho ông C là tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông C cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông M, ông C đều thống nhất, ông M có tự chủ động thực hiện các công việc thường ngày của gia đình ông C sau mỗi lần đến nhà ông C chơi, giữa các bên không hề có thoả thuận về việc thuê mướn với nhau cũng như xác định cụ thể công việc và tiền công thực hiện, đây là tình tiết không phải chứng minh do đã được các đương sự thừa nhận. Theo như ông M, ông thực hiện việc lao động cho ông C nên ông yêu cầu ông C phải tính tiền công với số tiền 2.500.000 đồng, ông C không đồng ý với đề nghị này. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông M yêu cầu ông C trả tiền công lao động mà ông đã thực hiện với ông C nhưng ông không chứng minh được các bên có thoả thuận với nhau về việc thuê mướn lao động cũng như không được ông C thừa nhận nên không có cơ sở phát sinh nghĩa vụ của ông C đối với ông theo như quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự. Do đó, đối với số tiền 2.500.000 đồng ông yêu cầu là không có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, ông C đồng ý hỗ trợ ông M số tiền 1.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông C nên được ghi nhận.

[4] Đối với số tiền ông M thuê đánh đơn, tiền ông đi lại tham dự Toà là 2.000.000 đồng, ông không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết nên áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều

26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông vì Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông M nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng. Mặc dù ông C hỗ trợ ông M số tiền 1.000.000 đồng nhưng nghĩa vụ này phát sinh từ sự tự nguyện của ông C. Mặc khác, ông C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc buộc ông Đặng Văn C trả số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn C, cụ thể: Ông Đặng Văn C hỗ trợ cho ông Trần Văn M số tiền 1.000.000 (một triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu trả 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền thuê đánh đơn và tiền công đi lại của ông Trần Văn M.

4. Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005448 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp